TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2019/DS-PT
Ngày: 07-01-2019.
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông: Nguyễn Hoàng Thành.

Ông: Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh- Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2018/TLPT-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST, ngày 07-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông A, sinh năm 1950 (ông A có mặt). Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú hiện nay: Ấp A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* bà C, sinh năm 1962, theo văn bản ủy quyền ngày 05-12-2018 (bà C có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông A trình bày:

D là cháu ruột gọi ông là bác, còn Đ là con dâu của ông. Vào khoảng 07 giờ ngày 05/01/2018, cháu D và Đ Bảy xảy ra cự cãi với nhau, khi đó ông ra can ngăn thì bị chồng của Nguyệt tên B đánh và nắm chân của ông kéo làm cho ông té bị thương, tỷ lệ thương tích là 3%.

Sau khi sự việc xảy ra được Công an huyện D thụ lý, trong quá trình giải quyết thì giữa ông với cháu B đã thỏa thuận là cháu B bồi thường số tiền điều trị thương tích cho ông trước là 3.600.000đồng, số tiền này ông đã nhận xong. Các khoản tiền khác gồm tiền ngày công lao động thực tế bị mất khi ông nằm viện điều trị, tiền tàu xe đi lại giám định thương tích, tiền tổn thất tinh thần và tiền bồi dưỡng sức khỏe thì do ông và cháu B sẽ thỏa thuận sau.

Ngày 05/8/2018, Công an huyện D ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Nhưng từ đó đến nay cháu B không bồi thường cho ông thêm các khoản chi phí hợp lý khác, cụ thể gồm: Tiền ngày công lao động thực tế bị mất do nằm viện điều trị là 10 ngày (từ ngày 05/01/2018 đến ngày 15/01/2018): 10 ngày x 200.000đồng = 2.000.000đồng; Tiền tàu xe đi giám định (đi và về): 200.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần là: 30 ngày x 200.000đồng = 6.000.0000đồng;Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 3.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông A thay đổi một phần yêu cầu về việc buộc ông B bồi thường cho ông các khoản tiền tổng cộng là 7.900.000đồng, cụ thể: Tiền ngày công lao động mỗi ngày là 170.000đồng x 10 ngày = 1.700.000đồng; Tiền tổn thất về tinh thần mỗi ngày 100.000đồng x 30 ngày = 3.000.000đồng; Tiền tàu xe đi giám định (đi và về): 200.000đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 3.000.000đồng.

***Tại tờ tường trình ngày 24/9/2018 của bị đơn B và trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà C trình bày*:**

Vào ngày 05/01/2018, do xảy ra mâu thuẫn cự cãi giữa vợ của B là D với con dâu của ông A là Đ, nên Giang có ra can ngăn và xảy ra xô xát với ông A. Tuy nhiên, ban đầu là ông A đánh Giang té xuống bờ đê trước cho nên B mới dùng tay nắm chân ông A và kéo nên ông A mới bị té, tỷ lệ thương tích là 3%.

Sự việc xảy ra được Công an huyện D thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết thì giữa Giang và ông A đã thỏa thuận thống nhất bồi thường tiền thuốc, điều trị thương tích với số tiền là 3.600.000đồng và ông A đã nhận xong số tiền này. Còn các khoản khác như: Tiền ngày công lao động, tiền tàu xe đi lại giám định thương tích, tiền tổn thất tinh thần và tiền bồi dưỡng sức khỏe thì ông A không có yêu cầu bồi thường. Đồng thời, khi hòa giải có sự chứng kiến của cán bộ Công an huyện D và ông A đồng ý ký tên vào biên bản. Do Giang và ông A đã thỏa thuận bồi thường tiền thuốc xong tại Công an huyện D là 3.600.000đồng,

hai bên đã ký tên vào biên bản. Do đó, Giang không đồng ý bồi thường thêm các khoản chi phí nào khác cho ông A.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST, ngày 07-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A về việc yêu cầu anh B bồi thường các khoản chi phí về tổn hại sức khỏe bị xâm phạm với số tiền là 5.485.000đồng (trong tổng số tiền mà ông A yêu cầu là 7.900.000 đồng);

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A về việc yêu cầu anh B bồi thường các khoản chi phí về tổn hại sức khỏe bị xâm phạm với số tiền không được chấp nhận là 2.415.000đồng (trong tổng số tiền mà ông A yêu cầu là 7.900.000đồng).

3. Buộc bị đơn anh B có trách nhiệm bồi thường cho ông A tổng số tiền là 5.485.000 đồng (năm triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phívà quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-11-2018 bị ông B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A với các lý do: tiền ngày công lao động không phù hợp với thực tế, vì ông B đã hỗ trợ trong phần tiền chung 3.600.000 đồng mà ông A đã nhận xong trong các khoản tiền trong đó có tiền thuốc; tiền tàu xe, bồi dưỡng sức khỏe tôi đã trả xong; tiền tổn thất tinh thần yêu cầu xem xét lại cho phù hợp vì bị tổn hại 3%.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu buộc ông B bồi thường các khoản thiệt hại tổng cộng 7.900.000đồng như đã thay đổi tại phiên tòa sơ thẩm; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn ông B, sau cùng vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, giữ nguyên bàn án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung: bị đơn ông B có đơn kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định vào ngày 05-01-2018 giữa chị D với chị Đ cự cãi với nhau thì ông A đến can ngăn, khi đó chồng của chị D là B có tham gia đánh ông A. Theo giấy chứng nhận thương tích số 05/CN ngày 15-01-2018 của Trung tâm y tế huyện D thì ông A vào việc lúc 14 giờ 30 phút ngày 05-01-2018, ra việc lúc 16 giờ ngày 15-01-2018, chuẩn đoán: gãy xương sườn VII bên trái, tổn thương lồng ngực. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 23/TgT-PY ngày 26-01-2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng, kết luận tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông A là 3%.

[2.2] Sau khi sự việc xảy ra, ông A có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Đến ngày 04-5-2018 ông A có đơn rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Ngày 08-5-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra Quyết định số 09/QĐ-CQCSĐT Quyết định không khởi tố vụ án hình sự với lý do bị hại rút đơn không yêu cầu. Ngày 13-9-2018 ông A có đơn khởi kiện yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại cho ông về ngày công lao động trong những ngày ông nằm viện, tiền giám định thương tích, tiền tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Yêu cầu khởi kiện của ông A được Tòa án nhân dân huyện D thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A và xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông B, nhận thấy: thương tích, tổn hại sức khỏe của ông A là do ông B gây ra, nên ông B phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông A gồm các khoản chi phí cho việc cứu chữa; bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; tiền tổn thất tinh thần theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 03-5-2018 tại Nhà Văn hóa xã An Thạnh Đông, huyện D, có sự tham gia chứng kiến của cán bộ cơ quan Điều tra Công an huyện D, Công an xã T, thì giữa ông A với ông B có thỏa thuận nội dung như sau; "ông A yêu cầu xử lý hành chính đối với B và buộc B bồi thường chi phí nằm viện với số tiền 3.600.000đồng" (bút lục số 51).

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận nêu trên, nhận thấy sau khi ông B gây thương tích cho ông A thì các bên chỉ thỏa thuận với nhau về số tiền thuốc điều trị thương tích, còn các khoản chi phí khác như: tiền công lao động của ông A bị mất thu nhập; tiền tàu xe đi giám định; tiền tổn thất về tinh thần; tiền bồi dưỡng sức khỏe thì các bên không có thỏa thuận, nên án sơ thẩm xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc ông B có trách nhiệm bồi thường cho ông A gồm: tiền công lao động bị mất thu nhập là 10 ngày, mỗi ngày 170.000 đồng = 1.700.000đồng; tiền tàu xe đi giám định (đi và về): 200.000đồng; tiền tổn thất về tinh thần: được tính bằng mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và đã chấp nhận số tiền tương ứng với 1,5 tháng (một tháng rưỡi) x 1.390.000đồng (1.390.000đồng là mức lương cơ sở hiện nay) = 2.085.000đồng; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 1.500.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 5.485.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do bị đơn đã bồi thường xong trong tổng số tiền đã 3.600.000đồng mà ông A đã nhận là không có cơ sở, nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[3] Kiểm sát sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 Bộ luật tố tụng dân sự, thì các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST, ngày 07-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A về việc yêu cầu anh B bồi thường các khoản chi phí về tổn hại sức khỏe bị xâm phạm với số tiền là 5.485.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A về việc yêu cầu anh B bồi thường các khoản chi phí về tổn hại sức khỏe bị xâm phạm với số tiền không được chấp nhận là 2.415.000đồng (hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

3. Buộc bị đơn anh B có trách nhiệm bồi thường cho ông A tổng số tiền là 5.485.000đồng (năm triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng), gồm:

Tiền công lao động bị mất thu nhập là 10 ngày, mỗi ngày 170.000đồng = 1.700.000đồng;

Tiền tàu xe đi giám định (đi và về): 200.000đồng;

Tiền tổn thất về tinh thần: 2.085.000đồng;

Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 1.500.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án thì anh B còn phải trả cho ông A lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông A được miễn án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000646 ngày 19-11 -2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND huyện D;*
- *Chi cục THA huyện D;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: TDS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương